

**TỪ CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI CỦA V.I.LÊNIN
TÌM HIỂU TƯ DUY MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
VỀ QUAN HỆ SỞ HỮU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG
ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Nguyễn Thị Phương

Khoa Lý luận chính trị, Trường Đại học Khoa học, Đại Học Huế

Email: phuongnguyentriet@gmail.com

Ngày nhận bài: 26/3/2021; ngày hoàn thành phản biện: 5/4/2021; ngày duyệt đăng: 15/4/2021

TÓM TẮT

Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin được soạn thảo năm 1921. Cho đến nay, Chính sách kinh tế mới vẫn có ý nghĩa thời đại to lớn, nhất là trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam. Trong bài viết này, tác giả tập trung làm rõ hoàn cảnh ra đời, những nội dung cơ bản của Chính sách kinh tế mới, từ đó chỉ ra một số nội dung tư duy mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ khóa: kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, NEP, quan hệ sở hữu, tư duy mới.

Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin được soạn thảo năm 1921 nhằm đưa nước Nga Xô viết thoát khỏi tình trạng khủng hoảng về kinh tế, chính trị do chiến tranh để lại. Từ đó đến nay, Chính sách kinh tế mới vẫn có ý nghĩa thời đại to lớn, nhất là trong công cuộc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. HOÀN CẢNH RA ĐỜI CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI (NEP)

Từ năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế trong một hoàn cảnh hết sức phức tạp, đầy bi đát: công nghiệp đình trệ, nông nghiệp mất mùa, nạn đói, bệnh dịch hoành hành. Chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 - 1918), nội chiến, can thiệp vũ trang của nước ngoài (1918 - 1920) đã tàn phá toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Năm 1920, sản lượng công nghiệp chỉ bằng 1/7 mức sản xuất năm 1913, sản lượng nông nghiệp chỉ bằng hơn 1/2. Giao thông vận tải bị đình trệ. Nạn đói, dịch bệnh hoành hành hầu khắp đất nước, nhất là ở các thành phố.

Lúc này, người nông dân không còn đồng tình với chính sách trưng thu lương thực thừa nên khối liên minh công nông đứng trước nguy cơ tan rã. Lợi dụng tình trạng bất bình của nông dân, các thế lực phản cách mạng trong nước cũng như nước ngoài tổ chức những cuộc kích động dân chúng ở nhiều vùng, chúng đã lôi kéo được một bộ phận nông dân vào các cuộc phản loạn. Một bộ phận công nhân đã rời bỏ hàng ngũ giai cấp công nhân do nhiều nhà máy và công xưởng đã bị chiến tranh tàn phá hoặc phải ngừng hoạt động vì không có lương thực, nhiên liệu và nguyên liệu. Họ chạy về nông thôn để tránh khỏi nạn đói hoặc chuyển sang sản xuất thủ công. Trong khi đó, thế lực tự phát tiểu tư sản lại tăng lên mà như V.I.Lênin đã nhiều lần vạch rõ, thế lực tiểu tư sản là kẻ thù chính, kẻ thù nguy hiểm nhất của chủ nghĩa xã hội (liên quan đến chủ nghĩa cơ hội ở nước Nga).

Cuộc khủng hoảng kinh tế, chính trị và xã hội của nước Nga Xô viết đã phản ánh cả vào trong Đảng Cộng sản Nga. Những đảng viên không kiên định, trong đó có không ít cán bộ lãnh đạo của Đảng rơi vào tư tưởng dao động, điều đó biểu hiện trước hết ở sự bất đồng về vấn đề công đoàn và đã làm nổ ra một cuộc tranh luận lớn rồi đi đến cuộc đấu tranh bè phái trong Đảng... Đứng trước tình hình nguy kịch đó, V.I.Lênin đã sáng suốt nhận thức rõ thực trạng của đất nước và của Đảng, đồng thời trên cơ sở nắm vững các quy luật phát triển của xã hội, nhất là các quy luật kinh tế mà định ra chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn, đáp ứng yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng. Trong bối cảnh ấy, từ ngày mùng 8 đến ngày 16/3/1921, Đảng Bôn-sê-vích tiến hành Đại hội lần thứ X. Đại hội đã thông qua nghị quyết quan trọng về việc chuyển từ Chính sách cộng sản thời chiến sang Chính sách kinh tế mới (NEP).

2. NHỮNG QUAN ĐIỂM MỚI CỦA V.I.LÊNIN TRONG CHÍNH SÁCH KINH TẾ MỚI

Trước V.I.Lênin, C.Mác nghiên cứu quan hệ sở hữu gắn với việc nghiên cứu các hình thái kinh tế - xã hội và phát hiện ra quy luật cơ bản của sự phát triển xã hội loài người là quan hệ sản xuất phải phù hợp với một trình độ phát triển nhất định của lực lượng sản xuất. Cơ sở lý luận để nghiên cứu quan hệ sở hữu là phải đi từ nền sản xuất xã hội, đây là quá trình tạo ra của cải vật chất cần thiết đáp ứng nhu cầu của con người.

Theo C.Mác sở hữu là quan hệ giữa con người với con người trong quá trình sản xuất xã hội thông qua việc chiếm hữu tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động trong điều kiện một hình thái kinh tế - xã hội nhất định của quá trình sản xuất vật chất. Ở giai đoạn tự do cạnh tranh của chủ nghĩa tư bản, C.Mác đã vạch trần bản chất bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản, lý giải quy luật vận động cơ bản của xã hội, vạch rõ mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản, từ đó ông cho rằng cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản nhằm “tước đoạt lại những kẻ đi tước đoạt”, xây dựng một xã hội mới dựa trên sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất.

Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản không phải là xóa bỏ chế độ sở hữu nói chung, mà là xóa bỏ chế độ sở hữu tư sản...” [17, tr.615]. Từ đó, C.Mác đi đến dự báo về sự thay thế chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bằng chế độ công hữu. Việc thay thế chế độ tư hữu bằng chế độ công hữu, theo quan điểm của C.Mác, không thể tiến hành ngay một lúc, mà phải là một quá trình lâu dài. Tuy nhiên, vào giai đoạn lịch sử đó, ông chưa chỉ ra mô hình cụ thể về chế độ công hữu.

Trong Chính sách kinh tế mới, khi nghiên cứu tư tưởng của C.Mác, V.I.Lênin đã vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể ở nước Nga, V.I.Lênin chỉ ra hai con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong đó, đối với các nước lạc hậu, con đường đó phải trải qua nhiều khâu trung gian, nhiều bước quá độ khác nhau. Khi bàn về quan hệ sở hữu V.I.Lênin đã đưa ra nhiều luận điểm quan trọng. Ông cho rằng, chủ nghĩa xã hội không hề xóa bỏ tất cả các quyền sở hữu của quần chúng nhân dân lao động, mà chỉ muốn xóa bỏ quyền sở hữu của bọn địa chủ và tư bản. Đồng thời ông khẳng định, đặc điểm kinh tế nổi bật nhất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. V.I.Lênin nhấn mạnh: nền kinh tế trong thời kỳ quá độ là nền kinh tế quá độ, không còn là nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, nhưng cũng chưa hoàn toàn là nền kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đặc biệt, ông nhấn mạnh vấn đề sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước với tư cách là "sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội", là "nấc thang lịch sử", là "bước tiến lên" chủ nghĩa xã hội. V.I.Lênin chỉ rõ trong những năm đầu của thời kỳ quá độ, nền kinh tế nước Nga tồn tại nhiều thành phần kinh tế (1, *kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, nghĩa là một phần lớn có tính chất tự nhiên*; 2, *Sản xuất hàng hóa nhỏ (trong đó bao gồm đại đa số nông dân bán lúa mì)*; 3, *Chủ nghĩa tư bản tư nhân*; 4, *Chủ nghĩa tư bản nhà nước*; 5, *Chủ nghĩa xã hội*) [15, tr.248], do đó sẽ tồn tại nhiều hình thức sở hữu khác nhau.

Trong NEP, những quan điểm mới của V.I.Lênin có thể khái quát như sau:

Một là, những bất hợp lý của “Chính sách cộng sản thời chiến” bị bãi bỏ, chế độ “trung thu lương thực thừa” được thay bằng thuế lương thực với tư cách là “liệu pháp cấp tốc, cương quyết nhất, cấp thiết nhất” để phát triển sản xuất. Thuế lương thực nông dân nộp bằng hiện vật. Sau khi nộp đầy đủ số thuế đã quy định, nông dân được toàn quyền sử dụng số nông sản còn lại của mình và được tự do bán ra trên thị trường. Hơn nữa, chính sách thuế lương thực đã tạo nên nội dung kinh tế mới của khối liên minh giữa hai giai cấp công nhân và nông dân, đó là vấn đề có ý nghĩa căn bản nhất. V.I.Lênin chỉ rõ: “Thực chất của chính sách kinh tế mới... là sự liên minh của giai cấp vô sản với nông dân, là sự liên minh giữa đội tiền phong của giai cấp vô sản với quảng đại quần chúng nông dân” [13, tr.395-396].

Hai là, trong công nghiệp, Nhà nước Xô viết tập trung lực lượng và phương tiện khôi phục công nghiệp nặng, đồng thời, phát triển “chủ nghĩa tư bản nhà nước” - mắt xích “trung gian quan trọng để xây dựng chủ nghĩa xã hội”. V.I.Lênin đặt câu hỏi, đồng thời khẳng định rằng: “Liệu có thể kết hợp, liên hợp, phối hợp Nhà nước Xô viết, nền chuyên chính vô sản, với chủ nghĩa tư bản nhà nước được không? Tất nhiên là được” [12, tr. 268].

Người nhận định: “Kinh tế nông dân, với tư cách là một nền kinh tế tiểu nông, không thể đứng vững được, nếu không có một sự tự do trao đổi nào đó, và không có những quan hệ tư bản chủ nghĩa gắn liền với tự do trao đổi đó” [12, tr. 376]. “Chúng ta phải lợi dụng chủ nghĩa tư bản (nhất là bằng cách hướng nó vào con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước) làm mắt xích trung gian giữa nền tiểu sản xuất và chủ nghĩa xã hội, làm phương tiện, con đường, phương pháp, phương thức để tăng cường lực lượng sản xuất lên” [12, tr. 276], “trong nhiều lĩnh vực kinh tế chúng ta cần phải lùi về chủ nghĩa tư bản nhà nước... Muốn giải quyết vấn đề kinh tế, nghĩa là muốn đảm bảo bước quá độ về mặt kinh tế lên phương thức xã hội chủ nghĩa, thì cần phải biết làm như thế” [16, tr. 255]. Bên cạnh đó, Chính sách kinh tế mới còn chủ trương cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ dưới sự kiểm soát của Nhà nước. Cho phép tư bản nước ngoài được thuê một số xí nghiệp dưới hình thức tô nhượng.

Ba là, Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin rất coi trọng thương nghiệp. Ông chỉ rõ: “Nhà nước phải học cách buôn bán để sao cho công nghiệp thỏa mãn được nông dân, còn nông dân thì nhờ có thương nghiệp mà thỏa mãn được nhu cầu của mình ... có như thế mới xây dựng được nền đại công nghiệp” [16, tr. 210]. Trong bước quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, với sự tồn tại của nền kinh tế có nhiều thành phần thì thương nghiệp là mối liên hệ kinh tế cần thiết, khách quan, có thể thực hiện được giữa hàng chục triệu tiểu nông và nền công nghiệp lớn, giữa thành thị và nông thôn. Trên thực tế, chủ nghĩa tư bản đã có một sự phát triển nhất định trong nông nghiệp, công nghiệp cũng như thương nghiệp, kể cả sự xuất hiện của một tầng lớp tư sản mới. Nhưng sự phát triển ấy là có chừng mực, và Nhà nước vô sản vẫn nắm giữ những vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân.

Với những biện pháp của Chính sách kinh tế mới, V.I.Lênin đã chỉ ra sự cần thiết phải thay đổi về căn bản các nhận thức, quan niệm trước đây về chủ nghĩa xã hội. Đó là sự chuyển hướng chiến lược từ quá độ trực tiếp sang quá độ gián tiếp, từ từ, từng bước một, kiên quyết tìm tòi những bước đi thích hợp, vừa tầm đi tới chủ nghĩa xã hội. Ông đòi hỏi việc trao đổi hàng hóa phải được tiến hành trên cơ sở của nguyên tắc thị trường, quan hệ hàng - tiền là “đòn bẩy” kinh tế, là hình thức cơ bản của các mối liên hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa thành thị với nông thôn.

Bốn là, phải học tập và sử dụng những giá trị văn minh nhân loại được tạo ra từ chủ nghĩa tư bản; kiên quyết phản đối việc “đem chủ nghĩa tư bản đối lập một cách

trừu tượng với chủ nghĩa xã hội". Theo V.I.Lênin, ở một nước kinh tế lạc hậu thì giải pháp hiện thực để có được kinh nghiệm, tri thức quản lý hiện đại là học hỏi bằng việc thuê và trả lương cao cho chuyên gia tư sản. V.I.Lênin cho rằng, không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm tổ chức quản lý, thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được. Đồng thời, cần chuyển trọng tâm của cách mạng sang tổ chức và phát triển văn hóa. Ông chỉ rõ những người cộng sản phải học cách tổ chức lãnh đạo, quản lý xã hội; sử dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật, giáo dục; học cách làm ăn, buôn bán... Nói chung là tất cả những giá trị, những kinh nghiệm hợp lý mà nhân loại đạt được trong chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Năm là, củng cố chính quyền Xô viết, tăng cường vai trò của quản lý, kết hợp chặt chẽ các biện pháp hành chính, tổ chức với biện pháp kinh tế để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thực chất của Chính sách kinh tế mới chính là ở việc sử dụng rộng rãi quan hệ hàng hoá - tiền tệ, phát triển thị trường, khôi phục và phát triển các thành phần kinh tế. Chuyển các đơn vị kinh tế nhà nước sang chế độ hạch toán kinh tế; khuyến khích phát triển kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân thay cho việc thủ tiêu kinh doanh tư nhân trong chính sách "Cộng sản thời chiến"; chủ trương phát triển quan hệ kinh tế với các nước tư bản để tranh thủ vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm tổ chức, quản lý, sử dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước và những hình thức kinh tế quá độ khác để phát triển tối đa lực lượng sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội,...

Thực tế lịch sử đã cho thấy, cách tiếp cận như vậy sẽ cho phép kết hợp lợi ích riêng với lợi ích chung và bảo đảm tiến lên chủ nghĩa xã hội một cách ít tổn thất nhất. Nhờ đó, nước Nga Xô viết đã thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chính trị, tạo được những tiền đề quan trọng để xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

3. TƯ DUY MỚI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VỀ QUAN HỆ SỞ HỮU TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Ở Việt Nam, công cuộc đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa bắt đầu bằng đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế, đang thu được những thành tựu phần khởi. Từ một nước nông nghiệp lạc hậu, có nền kinh tế chậm phát triển, thường xuyên phải nhập lương thực, nước ta đã trở thành nước có sự phát triển năng động trong khu vực với tốc độ tăng trưởng hàng năm tương đối cao (GDP năm 2011 của Việt Nam đạt 6.24%; GDP năm 2012 đạt 5.25%; GDP năm 2013 đạt 5.42%; GDP năm 2014 đạt 5.98%; GDP năm 2015 đạt 6.68%; GDP năm 2016 đạt 6.21%; GDP năm 2017 đạt 6.81%; GDP năm 2018 đạt 7.08%; GDP năm 2019 đạt 7,02%; GDP năm 2020 do dịch covid - 19 bùng phát trong phạm vi toàn cầu nên GDP của Việt Nam đạt 2.91%) [21]. Để có được thành tựu như vậy, phải kể đến những đổi mới trong lĩnh vực kinh tế mà một trong những đổi mới quan trọng nhất là đổi mới về quan hệ sở hữu.

Chính những đổi mới đó đã tạo động lực cho nền kinh tế, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, làm cho nền kinh tế trở nên năng động và từng bước định hình được nền kinh tế thị trường.

Nhìn lại lịch sử, một hạn chế lớn về biện pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tương tự như V.I. Lênin đã vạch ra là, “đem chủ nghĩa tư bản đối lập một cách trừu tượng với chủ nghĩa xã hội”. Vấn đề tư duy cũ ở đây là, chưa phân định rõ sở hữu tư nhân với sở hữu tư bản chủ nghĩa, kinh tế thị trường với tư cách là một trình độ của sản xuất hàng hóa với kinh tế thị trường là đặc trưng của kinh tế tư bản chủ nghĩa.

Ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (9/1960) của Đảng, việc cải tạo hệ thống các quan hệ sản xuất cũ thành quan hệ sản xuất mới, xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu chủ yếu là *sở hữu toàn dân* và *sở hữu tập thể*, đã được thực hiện. Hai hình thức sở hữu này là cơ sở để xây dựng và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc nhấn mạnh quá mức vai trò của công hữu tư liệu sản xuất mà không coi trọng đúng mức các mặt tổ chức, quản lý sản xuất, phân phối lợi ích, nhất là lợi ích chính đáng của người lao động, đã làm hạn chế, thậm chí triệt tiêu động lực phát triển sản xuất và tăng năng suất lao động. Do thiếu nhận thức đúng đắn về quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích tập thể, lợi ích xã hội khiến cho nhấn mạnh siêu hình tập thể, cộng đồng mà quên mất con người cụ thể.

Hạn chế lớn nhất trong tư duy kinh tế cũ là không chấp nhận sản xuất hàng hóa hay kinh tế thị trường. Trước thời kỳ đổi mới, Việt Nam rơi vào một tư duy ấu trĩ rằng, sản xuất hàng hóa hay kinh tế thị trường sẽ là những nhân tố gây bất công xã hội, gây bất ổn về kinh tế. Vì vậy, cách tốt nhất là để cho nhà nước giữ vai trò bao trùm toàn bộ quan hệ sản xuất. Nhà nước bao cấp và bao tiêu sản phẩm, kế hoạch của nhà nước là mệnh lệnh và là nhu cầu của xã hội chứ không phải quy luật cung cầu, giá trị... Điều này dẫn đến hệ quả, sản xuất, nhu cầu phát triển của sức sản xuất chưa được xem trọng. Và, rút cục vào những năm 80 của thế kỷ XX, nền kinh tế Việt Nam lâm vào trạng thái trì trệ, khủng hoảng ((1) kinh tế tăng trưởng thấp và thực chất không có phát triển. Nếu tính chung từ năm 1976 đến 1985, tổng sản phẩm xã hội tăng 50,5%, bình quân hàng năm chỉ tăng ở mức 4,6%; thu nhập quốc dân tăng 38,8% bình quân hàng năm chỉ tăng 3,7%, trong khi tỷ lệ dân số tăng trung bình hàng năm 2,3%; (2) không có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế vì làm không đủ ăn, thu nhập quốc dân sản xuất chỉ bằng 80 - 90% thu nhập quốc dân sử dụng; (3) siêu lạm phát hoành hành. Suốt trong thời kỳ 1976 - 1985 chỉ số giá bán lẻ hàng hóa năm sau so năm trước luôn tăng ở mức hai con số và giao động ở mức 19 - 92%. Năm 1986, lạm phát đạt đỉnh điểm với tốc độ tăng giá 774,7% và (4) đời sống nhân dân hết sức khó khăn, thiếu thốn) [22]. Đã xuất hiện những nghịch lý như: Sản xuất mà không chú ý hiệu quả kinh tế; trao đổi sản phẩm mà không ngang giá “mua như cướp, bán như cho”; lưu thông trì trệ mà lại “ngăn sông, cấm chợ”...[18].

Khi nghiên cứu Chính sách kinh tế mới, chúng ta nhận thấy V.I.Lênin đã khẳng định: “Hiện nay chúng ta ở vào tình thế còn phải rút lui thêm một chút nữa, không những lui về chủ nghĩa tư bản nhà nước mà còn lui về chế độ nhà nước điều tiết thương nghiệp và lưu thông tiền tệ nữa. Chỉ bằng con đường đó... chúng ta mới có thể khôi phục lại đời sống kinh tế”, “... Khôi phục lại nền kinh tế tiểu nông, khôi phục và tự lực phát triển nền đại công nghiệp” [16, tr. 259]. Đồng thời, ông khẳng định “chưa xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân” [16, tr. 206]. Qua đó chúng ta nhận thấy, chính V.I.Lênin đã nêu rõ rằng muốn phát triển lực lượng sản xuất, muốn giải phóng mạnh mẽ và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển cần phải phát triển quan hệ sản xuất. Quy luật xã hội đã chỉ rõ: quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Cùng với quá trình phát triển của lực lượng sản xuất, các chế độ sở hữu cũng như các hình thức sở hữu cũng thay đổi theo. Xu hướng phát triển của nhân loại không phải đi đến chỗ đơn nhất hoá mà ngược lại, ngày càng đa dạng hoá các hình thức sở hữu. Nếu như trong xã hội nguyên thuỷ chỉ mới có công hữu nguyên thuỷ thì ngày nay, trong các nước đều đan xen rất nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Xu hướng phát triển đó là tất yếu, phù hợp với quá trình xã hội hoá của lực lượng sản xuất. Lực lượng sản xuất có tính xã hội đòi hỏi quan hệ sản xuất cũng phải có tính xã hội. Tính xã hội ở đây thể hiện trong tính đa dạng của nó, chính tính đa dạng đó mới tạo ra sự kết hợp tối ưu các yếu tố của lực lượng sản xuất.

Trước đây, nói đến chế độ công hữu là nói đến quá trình biến tư liệu sản xuất thành sở hữu toàn dân và tập thể, và cuối cùng, đi đến một hình thức sở hữu duy nhất là sở hữu toàn dân. Từ đó dẫn đến công hữu hoá ồ ạt, càng nhanh càng tốt. Song thực tiễn đã cho thấy, đó là quan điểm sai lầm. Thực tế chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa không hề gạt bỏ tính đa dạng các hình thức sở hữu mà ngược lại, chúng thống nhất với nhau. Trong tính đa dạng các hình thức sở hữu, công hữu phải giữ vai trò chi phối. Điều đó cho phép phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đồng thời giữ vững được bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) của Đảng với quan điểm nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật đã đánh dấu bước ngoặt, bước tiến mới của quá trình đổi mới, nhất là đổi mới tư duy kinh tế. Đặc biệt, Đảng ta đã đổi mới mạnh mẽ tư duy nhận thức về sở hữu và các thành phần kinh tế, thừa nhận sự tồn tại khách quan của nhiều hình thức sở hữu và các thành phần kinh tế; từ bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhận thức về quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và các yếu tố của quan hệ sản xuất. Đồng thời, Đảng đã nhận thức rõ hơn về sở hữu thông qua các quyền: chiếm hữu, sử dụng,...

Tiếp thu tư tưởng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6/1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trong đó, Cương lĩnh xác định một trong những

đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa là “có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu” [7, tr. 134], Cương lĩnh nêu rõ phương hướng: “phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu” [7, tr. 135].

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4/2001) của Đảng khẳng định lại tư tưởng: trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế với nhiều hình thức tổ chức kinh doanh đa dạng đan xen, hỗn hợp. Đại hội nhấn mạnh phát triển lực lượng sản xuất hiện đại gắn liền với xây dựng quan hệ sản xuất mới phù hợp trên cả ba mặt sở hữu, quản lý và phân phối. Về sở hữu, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (01/2011) của Đảng cũng khẳng định: “Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối,... Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. Kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển...” [9]. Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (01/2016) Đảng Cộng sản Việt Nam tiếp tục chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu với nhiều thành phần kinh tế khác nhau.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2/2021) của Đảng nêu rõ: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển phù hợp với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Như vậy, trong các văn kiện của Đảng ta đều nhấn mạnh: Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta không chỉ tồn tại một chế độ sở hữu đơn nhất – sở toàn dân, công hữu, mà tồn tại nhiều loại hình sở hữu khác nhau, nhiều thành phần kinh tế. Các thành phần kinh tế được hình thành trên cơ sở của ba hình thức sở hữu cơ bản là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và sở hữu tư nhân. Các thành phần kinh tế bao gồm kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (từ Đại hội XI, Đảng khẳng định nền kinh tế nước ta có bốn thành phần). Bên cạnh công hữu còn có tư hữu, trong tư hữu thì có tư hữu của nhà đầu tư trong nước, có tư hữu của nhà đầu tư nước ngoài, có tư hữu cá thể và có cả tư hữu tập thể. *Đây được coi là một đổi mới quan trọng nhất góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.*

Trên cơ sở các chế độ và loại hình sở hữu khác nhau, Đảng ta chủ trương thực hiện các mô hình tổ chức kinh doanh rất khác nhau. Một trong những mô hình tổ chức kinh doanh khá phổ biến hiện nay trên thế giới mà chúng ta đang áp dụng đó chính là

hình thức kinh tế cổ phần. Đây là hình thức tổ chức kinh doanh và huy động vốn theo xu hướng xã hội hóa. Tuy nhiên, hình thức kinh tế cổ phần không phải là hình thức tổ chức đại biểu duy nhất cho chế độ công hữu mà nó đại biểu cho mọi chế độ sở hữu. Tất cả các mô hình tổ chức kinh doanh hiện đang tồn tại ở Việt Nam, dù là đại diện cho chế độ sở hữu nào đều là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường, đều phục tùng sự quản lý của Nhà nước, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Những mô hình tổ chức sản xuất kinh doanh đó không chỉ song song tồn tại, mà luôn biến đổi, thậm chí chúng có thể chuyên hóa, thâm nhập vào nhau nhằm thích ứng với những quy luật của thị trường. Trong phần *Những định hướng lớn về phát triển kinh tế*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI đã chủ trương “Các hình thức sở hữu hỗn hợp và đan kết với nhau hình thành các tổ chức kinh tế đa dạng ngày càng phát triển” [8, tr. 74], “khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh với sở hữu hỗn hợp mà chủ yếu là các doanh nghiệp cổ phần để loại hình kinh tế này trở thành phổ biến trong nền kinh tế, thúc đẩy xã hội hóa sản xuất kinh doanh và sở hữu” [8, tr. 101]. *Đây cũng được coi là tư duy mới của Đảng ta trong quan hệ sở hữu*. Bởi vì, trong Chính sách kinh tế mới V.I.Lênin đề cập tới đa thành phần kinh tế, đa hình thức sở hữu thì nay cùng với việc áp dụng nền kinh tế nhiều thành phần, đan xen nhiều hình thức sở hữu, Đảng ta còn căn cứ vào tình hình kinh tế thế giới, khu vực cũng như kinh tế trong nước, vận dụng sáng tạo tư tưởng của V.I.Lênin bằng việc thực hiện kinh doanh theo hình thức cổ phần hóa, đồng thời áp dụng quan hệ sở hữu hỗn hợp.

Một điểm khác về tư duy mới của Đảng ta trong quan hệ sở hữu chính là từ chủ trương, chính sách đối với các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân. Nếu như thời kỳ trước đổi mới, thành phần kinh tế tư bản tư nhân bị xoá bỏ, thành phần kinh tế cá thể bị cải tạo và thu hẹp dần thì từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến nay, Đảng ta không ngừng thay đổi chủ trương, chính sách theo hướng khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế đó phát triển. Trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Đảng đã khẳng định: “Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp... Mọi đơn vị kinh tế không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật” [3, tr. 8]. Những tư tưởng trên đây được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục hoàn thiện và phát triển trong chủ trương phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong nền kinh tế đó, “các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh...” [5, tr. 95-96], “Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương phát triển mạnh các thành phần kinh tế; xoá bỏ phân biệt đối xử; tạo môi trường đầu tư kinh doanh bình đẳng, minh bạch, ổn định chính sách thông thoáng

và thuận lợi hơn, đảm bảo quyền của mọi người dân được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm” [6, tr. 80].

Đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI nhấn mạnh: “Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh”, “Bảo đảm quyền tự do kinh doanh và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế” [8, tr. 73, 110]. Trong phần *Phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 – 2020*, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII xác định: “...Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch”, “Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách, và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong nền kinh tế thị trường” [10, tr. 269, 270].

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định: “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó: Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác không ngừng được củng cố, phát triển; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ngày càng được khuyến khích phát triển” [11, tr. 128-129].

“Kinh tế tư nhân được khuyến khích phát triển ở tất cả các ngành, lĩnh vực mà pháp luật không cấm, nhất là trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, dịch vụ, được hỗ trợ phát triển thành các công ty, tập đoàn kinh tế tư nhân mạnh, có sức cạnh tranh cao. Khuyến khích doanh nghiệp tư nhân hợp tác, liên kết với doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, kinh tế hộ; phát triển các công ty cổ phần có sự tham gia rộng rãi của các chủ thể xã hội, nhất là người lao động” [11, tr. 130].

Trên đây là một số nội dung tư duy mới về quan hệ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam trong thời gian qua. Tuy nhiên, thực tiễn cũng chỉ ra một số điểm còn hạn chế trong vấn đề này. Chẳng hạn, nội dung của các Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam từ Đại hội VI đến nay vẫn luôn khẳng định vai trò hàng đầu, vai trò quyết định của sở hữu toàn dân (mà đại diện là kinh tế nhà nước) và sở hữu tập thể (mà đại diện là kinh tế tập

thê). Trong lý luận, Đảng ta vẫn chưa xác định rõ ràng và thống nhất các thuật ngữ “chế độ sở hữu” và “hình thức sở hữu” trong nền kinh tế...

Tóm lại, trong 35 năm đổi mới toàn diện đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng, phát triển sáng tạo Chính sách kinh tế mới của V.I.Lênin trong việc phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, quan hệ sở hữu, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng nền kinh tế thế giới. Điều này góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong nền kinh tế thế giới, tạo ra các tiền đề quan trọng để tiếp tục phát triển đất nước trong những năm tiếp theo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [3]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [4]. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2004). *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006). *Văn kiện đại hội Đảng, Toàn tập*, tập 51, tr.134, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội..
- [8]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [9]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [12]. V.I. Lênin (1978). *Toàn tập*, tập 43, Nxb.Tiến bộ, Mát-xcơ-va, bản tiếng Việt.
- [13]. V.I. Lênin (1978). *Toàn tập*, tập 44, Nxb.Tiến bộ, Mát-xcơ-va, bản tiếng Việt.
- [14]. V.I. Lênin (1981). *Những năm đầu của thời kỳ quá độ ở Liên Xô*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [15]. V.I. Lênin (2005). *Toàn tập*, tập 43, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

- [16]. V.I. Lênin (2005). *Toàn tập*, tập 44, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [17]. C. Mác và Ph.Ăngghen (1995). *Toàn tập*, tập 4, Nxb.Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [18]. Nguyễn An Ninh (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) (2015). “*Chính sách kinh tế mới*” của V.I. Lênin - một cơ sở lý luận quan trọng của đổi mới ở Việt Nam, website: <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2015/33034/Chinh-sach-kinh-te-moi-cua-VI-Lenin-mot-co-so.aspx>.
- [19]. Lương Xuân Quỳnh (2015). *Tư duy mới về phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [20]. Website: <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-iii/doc-192620158383646.html>
- [21]. Website: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2021/01/kinh-te-viet-nam-2020-mot-nam-tang-truong-day-ban-linh/>
- [22]. Website:
<http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/kinhtexahoi>

**LEARNING THE NEW THINKING OF THE VIETNAMESE COMMUNIST PARTY
ABOUT THE OWNER RELATIONS IN THE SOCIALIST-ORIENTED MARKET
ECONOMY FROM *THE NEW ECONOMIC POLICY* OF V.I. LENIN**

Nguyen Thi Phuong

Department of Political Studies, Hue University of Sciences

Email: phuongnguyentriet@gmail.com

ABSTRACT

The new economic Policy (NEP) by V.I. Lenin was proposed in 1921. Up to now, the new economic policy has still significantly contributed to building Socialism in Vietnam. In this article, the author only concentrates on explaining circumstances, the main contents of the NEP, then showing some new thinkings of the Vietnamese Communist Party about the owner relations in the socialist-oriented market economy.

Keywords: socialist-oriented market economy, NEP, owner relations, new thinking.



Nguyễn Thị Phương sinh ngày 06/06/1980 tại Nghệ An. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Triết học năm 2002 và thạc sĩ chuyên ngành Triết học năm 2010 tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế. Bà hiện là giảng viên tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học, Lịch sử Triết học, Đạo đức học, Hình thái kinh tế - xã hội, Sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

